



Trang/ Page No: 1/4

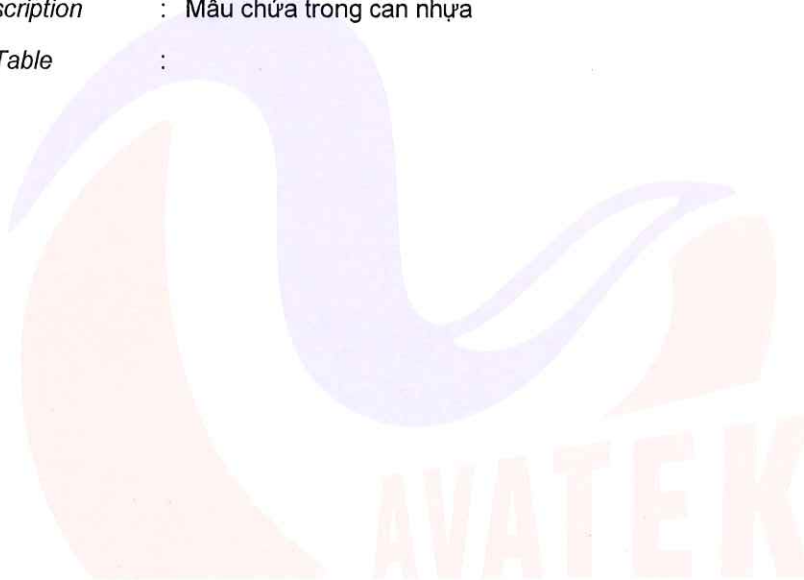
AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: JHB8250900078-1

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành Phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 06/09/2025
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 06/09/2025 - 12/09/2025
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 12/09/2025
Thông tin mẫu/ Name of Sample : TRẠM CNTT HÒA TIẾN
ẤP THANH AN, XÃ HÒA LỰU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ.
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa
Bảng kết quả/ Results Table :



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: JHB8250900078-1

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01-1:2024/ BYT
1	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	<1	CFU/100mL	SMEWW 9213 B:2023	<1
2	Pseudomonas aeruginosa (*) / Pseudomonas aeruginosa (*)	<1	CFU/100mL	TCVN 8881:2011(ISO 16266:2006)	<1
3	Bari (Ba) (*) / Barium (Ba) (*)	<0.001	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	1.3
4	Clorua (Cl ⁻)(*) / Chloride (Cl ⁻)(*)	<10.0	mg/L	SMEWW 4500 (Cl ⁻) B:2023	250
5	Độ cứng tổng(*) / Total hardness(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 3.33)	mgCaCO ₃ /L	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984)	300
6	Florua (F ⁻)(*) / Fluoride (F ⁻)(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	mg/L	SMEWW 4500 (F ⁻) D:2023	1.5
7	Mangan (Mn) (*) / Manganese (Mn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.0002)	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	0.1
8	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	<3 (2.60)	mg/L	SMEWW 3111 B:2023	200
9	Nhôm (Al) (*) / Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.010)	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	0.2
10	Nitrat (N-NO ₃ ⁻)(*) / Nitrate (N-NO ₃ ⁻)(*)	0.258	mg/L	SMEWW 4500 - NO ₃ - E:2023	11
11	Nitrit (N-NO ₂ ⁻)(*) / Nitrite (N-NO ₂ ⁻)(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.005)	mg/L	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0.9
12	Sắt (Fe) (*) / Iron (Fe) (*)	<0.001	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	0.3
13	Sunfat (SO ₄ ²⁻) (*) / Sulfate (SO ₄ ²⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 1.7)	mg/L	AVA-KN-PP.MT/011 (Ref. SMEWW 4500 (SO ₄ ²⁻) E:2023)	250
14	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	<0.0001	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	0.001
15	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*) / Total dissolved solids (TDS)(*)	53.5	mg/L	SMEWW 2540 C:2023	1000
16	Phenol và dẫn xuất Phenol (*) / Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.15)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/139(Ref. EPA 604: (Phenol),TCVN 7874:2008)	-

Qua





Trang/ Page No: 3/4

AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: JHB8250900078-1

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01-1:2024/ BYT
17	Styren (*) / Styren (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.07)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/143(Ref. EPA Method 5021, EPA Method 8270D)	20
18	Toluene (*) / Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.07)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/143(Ref. EPA Method 5021, EPA Method 8270D)	700
19	Aldicarb (*) / Aldicarb (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/085	10
20	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine / Atrazine and chloro-s-triazine derivatives	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/085	100
21	Carbofuran (*) / Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/085	5
22	Chlorpyrifos (*) / Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/084(Ref. US EPA Method 8141B, US EPA Method 8270D)	30
23	Permethrin (*) / Permethrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/084(Ref. US EPA Method 8141B, US EPA Method 8270D)	20
24	Bromodichloromethane (*) / Bromodichloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.07)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/143(Ref. EPA Method 5021, EPA Method 8270D)	60
25	Chloroform (*) / Chloroform (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.07)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/143(Ref. EPA Method 5021, EPA Method 8270D)	300
26	Hoạt độ phóng xạ alpha (α)(*) / Radiocativity alpha (α)(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.01)	Bq/L	TCVN 8879:2011	0.1
27	Hoạt độ phóng xạ Beta (β)(*) / Radiocativity Beta (β)(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	Bq/L	TCVN 8879:2011	1.0
28	Trichloroacetic acid (*) / Trichloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 5)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/088	200

Qua



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: JHB8250900078-1

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01-1:2024/ BYT
29	Chlordane (Tổng Chlordane - Cis và Chlordane - Trans) (*) / Chlordane (Sum of Chlordane - Cis and Chlordane - Trans) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/084(Ref. US EPA Method 8141B, US EPA Method 8270D)	0.2

Nhận xét/ Comment: Mẫu có các chỉ tiêu phù hợp với QCVN 01-1:2024/BYT / Sample have testing items are suitable with QCVN 01-1:2024/BYT.

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (**)(*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi/ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản/ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đếm đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)./ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"./ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

GIÁM ĐỐC

DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH





Trang/ Page No: 1/4

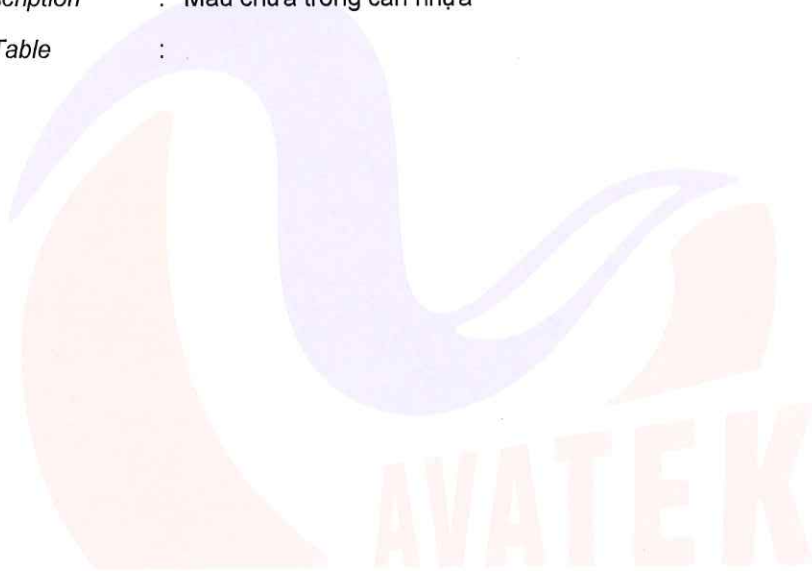
AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: JHB8250900078-2

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành Phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 06/09/2025
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 06/09/2025 - 12/09/2025
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 12/09/2025
Thông tin mẫu/ Name of Sample : NHÀ MÁY NƯỚC LONG MỸ
ẤP 3, XÃ VĨNH VIỄN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ.
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa
Bảng kết quả/ Results Table :



Quu



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: JHB8250900078-2

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01-1:2024/ BYT
1	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	<1	CFU/100mL	SMEWW 9213 B:2023	<1
2	Pseudomonas aeruginosa (*) / Pseudomonas aeruginosa (*)	<1	CFU/100mL	TCVN 8881:2011(ISO 16266:2006)	<1
3	Bari (Ba) (*) / Barium (Ba) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.0003)	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	1.3
4	Clorua (Cl ⁻)(*) / Chloride (Cl ⁻)(*)	<10.0	mg/L	SMEWW 4500 (Cl ⁻) B:2023	250
5	Độ cứng tổng(*) / Total hardness(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 3.33)	mgCaCO ₃ /L	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984)	300
6	Florua (F ⁻)(*) / Fluoride (F ⁻)(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	mg/L	SMEWW 4500 (F ⁻) D:2023	1.5
7	Mangan (Mn) (*) / Manganese (Mn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.0002)	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	0.1
8	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	<3 (2.62)	mg/L	SMEWW 3111 B:2023	200
9	Nhôm (Al) (*) / Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.010)	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	0.2
10	Nitrat (N-NO ₃ ⁻)(*) / Nitrate (N-NO ₃ ⁻) (*)	0.132	mg/L	SMEWW 4500 - NO ₃ ⁻ E:2023	11
11	Nitrit (N-NO ₂ ⁻)(*) / Nitrite (N-NO ₂ ⁻)(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.005)	mg/L	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0.9
12	Sắt (Fe) (*) / Iron (Fe) (*)	<0.001	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	0.3
13	Sunfat (SO ₄ ²⁻) (*) / Sulfate (SO ₄ ²⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 1.7)	mg/L	AVA-KN-PP.MT/011 (Ref. SMEWW 4500 (SO ₄ ²⁻) E:2023)	250
14	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	<0.0001	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	0.001
15	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*) / Total dissolved solids (TDS)(*)	47.0	mg/L	SMEWW 2540 C:2023	1000






Trang/ Page No: 3/4

AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: JHB8250900078-2

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01-1:2024/ BYT
16	Phenol và dẫn xuất Phenol (*) / Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.15)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/139(Ref. EPA 604: (Phenol),TCVN 7874:2008)	-
17	Styren (*) / Styren (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.07)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/143(Ref. EPA Method 5021,EPA Method 8270D)	20
18	Toluene (*) / Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.07)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/143(Ref. EPA Method 5021,EPA Method 8270D)	700
19	Aldicarb (*) / Aldicarb (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/085	10
20	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine / Atrazine and chloro-s- triazine derivatives	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/085	100
21	Carbofuran (*) / Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/085	5
22	Chlorpyrifos (*) / Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/084(Ref. US EPA Method 8141B,US EPA Method 8270D)	30
23	Permethrin (*) / Permethrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/084(Ref. US EPA Method 8141B,US EPA Method 8270D)	20
24	Bromodichloromethane (*) / Bromodichloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.07)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/143(Ref. EPA Method 5021,EPA Method 8270D)	60
25	Chloroform (*) / Chloroform (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.07)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/143(Ref. EPA Method 5021,EPA Method 8270D)	300
26	Hoạt độ phóng xạ alpha (α)(*) / Radiocativity alpha (α)(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.01)	Bq/L	TCVN 8879:2011	0.1
27	Hoạt độ phóng xạ Beta (β)(*) / Radiocativity Beta (β)(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	Bq/L	TCVN 8879:2011	1.0

Qua



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: JHB8250900078-2

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01-1:2024/ BYT
28	Trichloroacetic acid (*) / Trichloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 5)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/088	200
29	Chlordane (Tổng Chlordane - Cis và Chlordane - Trans) (*) / Chlordane (Sum of Chlordane - Cis and Chlordane - Trans) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/084(Ref. US EPA Method 8141B, US EPA Method 8270D)	0.2

Nhận xét/ Comment: Mẫu có các chỉ tiêu phù hợp với QCVN 01-1:2024/BYT / Sample have testing items are suitable with QCVN 01-1:2024/BYT.

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**)(*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng./ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đếm đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ" / When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR
CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
AVATEK
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN HOÀNG VINH



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: JHB8250900078-3

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành Phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 06/09/2025
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 06/09/2025 - 12/09/2025
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 12/09/2025
Thông tin mẫu/ Name of Sample : TRẠM CNTT LONG BÌNH
KHU VỰC BÌNH TÂN, PHƯỜNG LONG BÌNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ.
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa
Bảng kết quả/ Results Table :





Trang/ Page No: 2/4

AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: JHB8250900078-3

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01-1:2024/ BYT
1	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	<1	CFU/100mL	SMEWW 9213 B:2023	<1
2	Pseudomonas aeruginosa (*) / Pseudomonas aeruginosa (*)	<1	CFU/100mL	TCVN 8881:2011(ISO 16266:2006)	<1
3	Bari (Ba) (*) / Barium (Ba) (*)	<0.001	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	1.3
4	Clorua (Cl ⁻)(*) / Chloride (Cl ⁻)(*)	<10.0	mg/L	SMEWW 4500 (Cl ⁻) B:2023	250
5	Độ cứng tổng(*) / Total hardness(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 3.33)	mgCaCO ₃ /L	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984)	300
6	Florua (F ⁻)(*) / Fluoride (F ⁻)(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	mg/L	SMEWW 4500 (F ⁻) D:2023	1.5
7	Mangan (Mn) (*) / Manganese (Mn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.0002)	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	0.1
8	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	<3 (2.67)	mg/L	SMEWW 3111 B:2023	200
9	Nhôm (Al) (*) / Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.010)	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	0.2
10	Nitrat (N-NO ₃ ⁻)(*) / Nitrate (N-NO ₃ ⁻) (*)	0.236	mg/L	SMEWW 4500 - NO ₃ - E:2023	11
11	Nitrit (N-NO ₂ ⁻)(*) / Nitrite (N-NO ₂ ⁻)(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.005)	mg/L	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0.9
12	Sắt (Fe) (*) / Iron (Fe) (*)	<0.001	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	0.3
13	Sunfat (SO ₄ ²⁻) (*) / Sulfate (SO ₄ ²⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 1.7)	mg/L	AVA-KN-PP.MT/011 (Ref. SMEWW 4500 (SO ₄ ²⁻) E:2023)	250
14	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.00003)	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	0.001
15	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*) / Total dissolved solids (TDS)(*)	50.5	mg/L	SMEWW 2540 C:2023	1000

Qua



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: JHB8250900078-3

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01-1:2024/ BYT
16	Phenol và dẫn xuất Phenol (*) / Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.15)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/139(Ref. EPA 604: (Phenol),TCVN 7874:2008)	-
17	Styren (*) / Styren (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.07)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/143(Ref. EPA Method 5021,EPA Method 8270D)	20
18	Toluene (*) / Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.07)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/143(Ref. EPA Method 5021,EPA Method 8270D)	700
19	Aldicarb (*) / Aldicarb (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/085	10
20	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine / Atrazine and chloro-s- triazine derivatives	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/085	100
21	Carbofuran (*) / Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/085	5
22	Chlorpyrifos (*) / Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/084(Ref. US EPA Method 8141B,US EPA Method 8270D)	30
23	Permethrin (*) / Permethrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/084(Ref. US EPA Method 8141B,US EPA Method 8270D)	20
24	Bromodichloromethane (*) / Bromodichloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.07)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/143(Ref. EPA Method 5021,EPA Method 8270D)	60
25	Chloroform (*) / Chloroform (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.07)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/143(Ref. EPA Method 5021,EPA Method 8270D)	300
26	Hoạt độ phóng xạ alpha (α)(*) / Radiocativity alpha (α)(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.01)	Bq/L	TCVN 8879:2011	0.1
27	Hoạt độ phóng xạ Beta (β)(*) / Radiocativity Beta (β)(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	Bq/L	TCVN 8879:2011	1.0

Qua





Trang/ Page No: 4/4

AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: JHB8250900078-3

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01-1:2024/ BYT
28	Trichloroacetic acid (*) / Trichloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 5)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/088	200
29	Chlordane (Tổng Chlordane - Cis và Chlordane - Trans) (*) / Chlordane (Sum of Chlordane - Cis and Chlordane - Trans) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/084(Ref. US EPA Method 8141B,US EPA Method 8270D)	0.2

Nhận xét/ Comment: Mẫu có các chỉ tiêu phù hợp với QCVN 01-1:2024/BYT / Sample have testing items are suitable with QCVN 01-1:2024/BYT.

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (**) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi/ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản/ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đếm đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH





Trang/ Page No: 1/4

AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: JHB8250900078-4

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành Phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 06/09/2025
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 06/09/2025 - 12/09/2025
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 12/09/2025
Thông tin mẫu/ Name of Sample : TRẠM CNTT VỊ THẮNG
ẤP 7, XÃ VỊ THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ.
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa
Bảng kết quả/ Results Table :



Qua





Trang/ Page No: 2/4

AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: JHB8250900078-4

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01-1:2024/ BYT
1	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	<1	CFU/100mL	SMEWW 9213 B:2023	<1
2	Pseudomonas aeruginosa (*) / Pseudomonas aeruginosa (*)	<1	CFU/100mL	TCVN 8881:2011(ISO 16266:2006)	<1
3	Bari (Ba) (*) / Barium (Ba) (*)	<0.001	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	1.3
4	Clorua (Cl ⁻)(*) / Chloride (Cl ⁻)(*)	<10.0	mg/L	SMEWW 4500 (Cl ⁻) B:2023	250
5	Độ cứng tổng(*) / Total hardness(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 3.33)	mgCaCO ₃ /L	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984)	300
6	Florua (F ⁻)(*) / Fluoride (F ⁻)(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	mg/L	SMEWW 4500 (F ⁻) D:2023	1.5
7	Mangan (Mn) (*) / Manganese (Mn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.0002)	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	0.1
8	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	<3 (2.66)	mg/L	SMEWW 3111 B:2023	200
9	Nhôm (Al) (*) / Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.010)	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	0.2
10	Nitrat (N-NO ₃ ⁻)(*) / Nitrate (N-NO ₃ ⁻) (*)	0.217	mg/L	SMEWW 4500 - NO ₃ ⁻ E:2023	11
11	Nitrit (N-NO ₂ ⁻)(*) / Nitrite (N-NO ₂ ⁻)(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.005)	mg/L	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0.9
12	Sắt (Fe) (*) / Iron (Fe) (*)	<0.001	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	0.3
13	Sunfat (SO ₄ ²⁻) (*) / Sulfate (SO ₄ ²⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 1.7)	mg/L	AVA-KN-PP.MT/011 (Ref. SMEWW 4500 (SO ₄ ²⁻) E:2023)	250
14	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.00003)	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	0.001
15	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*) / Total dissolved solids (TDS)(*)	66.5	mg/L	SMEWW 2540 C:2023	1000

Qua





Trang/ Page No: 3/4

AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: JHB8250900078-4

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01-1:2024/ BYT
16	Phenol và dẫn xuất Phenol (*) / Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.15)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/139(Ref. EPA 604: (Phenol), TCVN 7874:2008)	-
17	Styren (*) / Styren (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.07)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/143(Ref. EPA Method 5021, EPA Method 8270D)	20
18	Toluene (*) / Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.07)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/143(Ref. EPA Method 5021, EPA Method 8270D)	700
19	Aldicarb (*) / Aldicarb (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/085	10
20	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine / Atrazine and chloro-s- triazine derivatives	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/085	100
21	Carbofuran (*) / Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/085	5
22	Chlorpyrifos (*) / Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/084(Ref. US EPA Method 8141B, US EPA Method 8270D)	30
23	Permethrin (*) / Permethrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/084(Ref. US EPA Method 8141B, US EPA Method 8270D)	20
24	Bromodichloromethane (*) / Bromodichloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.07)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/143(Ref. EPA Method 5021, EPA Method 8270D)	60
25	Chloroform (*) / Chloroform (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.07)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/143(Ref. EPA Method 5021, EPA Method 8270D)	300
26	Hoạt độ phóng xạ alpha (α)(*) / Radiocativity alpha (α)(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.01)	Bq/L	TCVN 8879:2011	0.1
27	Hoạt độ phóng xạ Beta (β)(*) / Radiocativity Beta (β)(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	Bq/L	TCVN 8879:2011	1.0

Qua





Trang/ Page No: 4/4

AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: JHB8250900078-4

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01-1:2024/ BYT
28	Trichloroacetic acid (*) / Trichloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 5)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/088	200
29	Chlordane (Tổng Chlordane - Cis và Chlordane - Trans) (*) / Chlordane (Sum of Chlordane - Cis and Chlordane - Trans) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/084(Ref. US EPA Method 8141B, US EPA Method 8270D)	0.2

Nhận xét/ Comment: Mẫu có các chỉ tiêu phù hợp với QCVN 01-1:2024/BYT / Sample have testing items are suitable with QCVN 01-1:2024/BYT.

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**)(*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)./ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"./ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



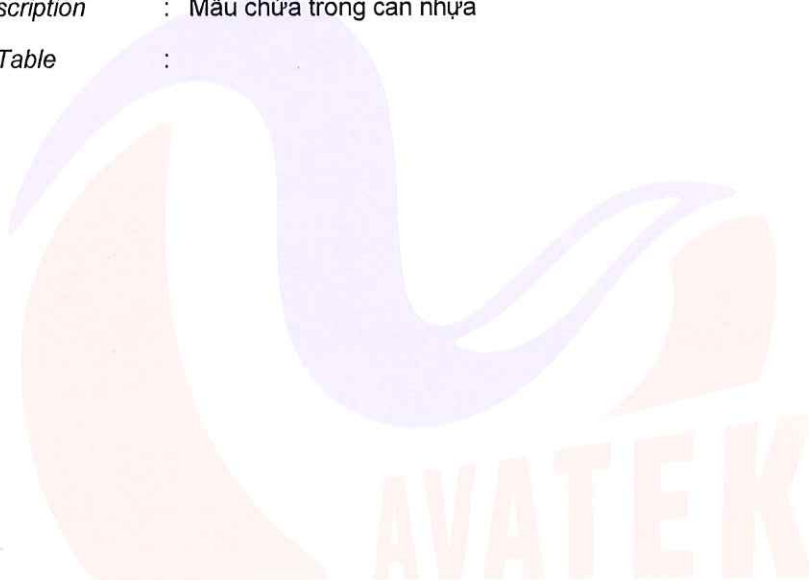
TRẦN HOÀNG VINH



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: JHB8250900078-5

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành Phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 06/09/2025
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 06/09/2025 - 12/09/2025
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 12/09/2025
Thông tin mẫu/ Name of Sample : TRẠM CNTT VỊ THỦY
ẤP 4, XÃ VĨNH THUẬN ĐÔNG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa
Bảng kết quả/ Results Table :



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: JHB8250900078-5

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01-1:2024/ BYT
1	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	<1	CFU/100mL	SMEWW 9213 B:2023	<1
2	Pseudomonas aeruginosa (*) / Pseudomonas aeruginosa (*)	<1	CFU/100mL	TCVN 8881:2011(ISO 16266:2006)	<1
3	Bari (Ba) (*) / Barium (Ba) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.0003)	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	1.3
4	Clorua (Cl ⁻)(*) / Chloride (Cl ⁻)(*)	<10.0	mg/L	SMEWW 4500 (Cl ⁻) B:2023	250
5	Độ cứng tổng(*) / Total hardness(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 3.33)	mgCaCO ₃ /L	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984)	300
6	Florua (F ⁻)(*) / Fluoride (F ⁻)(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	mg/L	SMEWW 4500 (F ⁻) D:2023	1.5
7	Mangan (Mn) (*) / Manganese (Mn) (*)	<0.0005	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	0.1
8	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	<3 (2.65)	mg/L	SMEWW 3111 B:2023	200
9	Nhôm (Al) (*) / Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.010)	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	0.2
10	Nitrat (N-NO ₃ ⁻)(*) / Nitrate (N-NO ₃ ⁻) (*)	0.236	mg/L	SMEWW 4500 - NO ₃ - E:2023	11
11	Nitrit (N-NO ₂ ⁻)(*) / Nitrite (N-NO ₂ ⁻)(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.005)	mg/L	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0.9
12	Sắt (Fe) (*) / Iron (Fe) (*)	<0.001	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	0.3
13	Sunfat (SO ₄ ²⁻) (*) / Sulfate (SO ₄ ²⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 1.7)	mg/L	AVA-KN-PP.MT/011 (Ref. SMEWW 4500 (SO ₄ ²⁻) E:2023)	250
14	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.00003)	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	0.001
15	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*) / Total dissolved solids (TDS)(*)	49.5	mg/L	SMEWW 2540 C:2023	1000




KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: JHB8250900078-5

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01-1:2024/ BYT
16	Phenol và dẫn xuất Phenol (*) / Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.15)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/139(Ref. EPA 604: (Phenol), TCVN 7874:2008)	-
17	Styren (*) / Styren (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.07)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/143(Ref. EPA Method 5021, EPA Method 8270D)	20
18	Toluene (*) / Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.07)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/143(Ref. EPA Method 5021, EPA Method 8270D)	700
19	Aldicarb (*) / Aldicarb (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/085	10
20	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine / Atrazine and chloro-s- triazine derivatives	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/085	100
21	Carbofuran (*) / Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/085	5
22	Chlorpyrifos (*) / Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/084(Ref. US EPA Method 8141B, US EPA Method 8270D)	30
23	Permethrin (*) / Permethrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/084(Ref. US EPA Method 8141B, US EPA Method 8270D)	20
24	Bromodichloromethane (*) / Bromodichloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.07)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/143(Ref. EPA Method 5021, EPA Method 8270D)	60
25	Chloroform (*) / Chloroform (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.07)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/143(Ref. EPA Method 5021, EPA Method 8270D)	300
26	Hoạt độ phóng xạ alpha (α)(*) / Radiocativity alpha (α)(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.01)	Bq/L	TCVN 8879:2011	0.1
27	Hoạt độ phóng xạ Beta (β)(*) / Radiocativity Beta (β)(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	Bq/L	TCVN 8879:2011	1.0

2003-C
PHÂN
NGHỆ
EK
CHÍ MINH

Chữ ký





Trang/ Page No: 4/4

AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: JHB8250900078-5

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01-1:2024/ BYT
28	Trichloroacetic acid (*) / Trichloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 5)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/088	200
29	Chlordane (Tổng Chlordane - Cis và Chlordane - Trans) (*) / Chlordane (Sum of Chlordane - Cis and Chlordane - Trans) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/084(Ref. US EPA Method 8141B, US EPA Method 8270D)	0.2

Nhận xét/ Comment: Mẫu có các chỉ tiêu phù hợp với QCVN 01-1:2024/BYT / Sample have testing items are suitable with QCVN 01-1:2024/BYT.

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017 / (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ / (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017 / (**) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi / (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản / (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp / Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp / Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK / This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp / Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh / For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện / According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện / According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện) / According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học / For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ" / When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH





Trang/ Page No: 1/4

AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: JHB8250900078-6

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, Xã Vị Thủy, Thành Phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 06/09/2025
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 06/09/2025 - 12/09/2025
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 12/09/2025
Thông tin mẫu/ Name of Sample : NHÀ MÁY NƯỚC NÀNG MAU
ẤP 1, XÃ VỊ THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ.
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa
Bảng kết quả/ Results Table :



Qua





Trang/ Page No: 2/4

AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: JHB8250900078-6

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01-1:2024/ BYT
1	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	<1	CFU/100mL	SMEWW 9213 B:2023	<1
2	Pseudomonas aeruginosa (*) / Pseudomonas aeruginosa (*)	<1	CFU/100mL	TCVN 8881:2011(ISO 16266:2006)	<1
3	Bari (Ba) (*) / Barium (Ba) (*)	<0.001	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	1.3
4	Clorua (Cl ⁻)(*) / Chloride (Cl ⁻)(*)	<10.0	mg/L	SMEWW 4500 (Cl ⁻) B:2023	250
5	Độ cứng tổng(*) / Total hardness(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 3.33)	mgCaCO ₃ /L	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984)	300
6	Florua (F ⁻)(*) / Fluoride (F ⁻)(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	mg/L	SMEWW 4500 (F ⁻) D:2023	1.5
7	Mangan (Mn) (*) / Manganese (Mn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.0002)	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	0.1
8	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	< 3 (2.80)	mg/L	SMEWW 3111 B:2023	200
9	Nhôm (Al) (*) / Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.010)	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	0.2
10	Nitrat (N-NO ₃ ⁻)(*) / Nitrate (N-NO ₃ ⁻)(*)	0.147	mg/L	SMEWW 4500 - NO ₃ ⁻ E:2023	11
11	Nitrit (N-NO ₂ ⁻)(*) / Nitrite (N-NO ₂ ⁻)(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.005)	mg/L	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0.9
12	Sắt (Fe) (*) / Iron (Fe) (*)	<0.001	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	0.3
13	Sunfat (SO ₄ ²⁻) (*) / Sulfate (SO ₄ ²⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 1.7)	mg/L	AVA-KN-PP.MT/011 (Ref. SMEWW 4500 (SO ₄ ²⁻) E:2023)	250
14	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.00003)	mg/L	SMEWW 3125 B:2023	0.001
15	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*) / Total dissolved solids (TDS)(*)	42.5	mg/L	SMEWW 2540 C:2023	1000

Qua



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: JHB8250900078-6

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01-1:2024/ BYT
16	Phenol và dẫn xuất Phenol (*) / Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.15)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/139(Ref. EPA 604: (Phenol), TCVN 7874:2008)	-
17	Styren (*) / Styren (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.07)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/143(Ref. EPA Method 5021, EPA Method 8270D)	20
18	Toluene (*) / Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.07)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/143(Ref. EPA Method 5021, EPA Method 8270D)	700
19	Aldicarb (*) / Aldicarb (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/085	10
20	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine / Atrazine and chloro-s- triazine derivatives	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/085	100
21	Carbofuran (*) / Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/085	5
22	Chlorpyrifos (*) / Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/084(Ref. US EPA Method 8141B, US EPA Method 8270D)	30
23	Permethrin (*) / Permethrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/084(Ref. US EPA Method 8141B, US EPA Method 8270D)	20
24	Bromodichloromethane (*) / Bromodichloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.07)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/143(Ref. EPA Method 5021, EPA Method 8270D)	60
25	Chloroform (*) / Chloroform (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.07)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/143(Ref. EPA Method 5021, EPA Method 8270D)	300
26	Hoạt độ phóng xạ alpha (α)(*) / Radiocativity alpha (α)(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.01)	Bq/L	TCVN 8879:2011	0.1
27	Hoạt độ phóng xạ Beta (β)(*) / Radiocativity Beta (β)(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	Bq/L	TCVN 8879:2011	1.0

Qu



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: JHB8250900078-6

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01-1:2024/ BYT
28	Trichloroacetic acid (*) / Trichloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 5)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/088	200
29	Chlordane (Tổng Chlordane - Cis và Chlordane - Trans) (*) / Chlordane (Sum of Chlordane - Cis and Chlordane - Trans) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.03)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/084(Ref. US EPA Method 8141B,US EPA Method 8270D)	0.2

Nhận xét/ Comment: Mẫu có các chỉ tiêu phù hợp với QCVN 01-1:2024/BYT / Sample have testing items are suitable with QCVN 01-1:2024/BYT.

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**).(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đếm đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)./ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ" / When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH

